

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ ĐẦU TƯ ATT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ ĐẦU TƯ ATT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATT INVESTMENT SERVICES AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ATT ISAC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109044206

3. Ngày thành lập: 31/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 47 ngõ 185 đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	In ấn	1811
3.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
4.	Sao chép bản ghi các loại	1820
5.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
6.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
8.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
9.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
10.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
11.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
12.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
16.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
17.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
18.	Thu gom rác thải độc hại	3812
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

21.	Tái chế phế liệu	3830
22.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
23.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Xây dựng công trình thủy	4291
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng đường hầm; Xây dựng đường thủy, bến cảng các công trình trên sông, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời;	4299
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi Tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh;	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Dịch vụ thi công, phòng chống mối mọt, diệt các loại côn trùng, diệt chuột và bảo quản gỗ cho các công trình xây dựng (không bao gồm xông hơi khử trùng); Xây dựng nền móng của toà nhà, gôm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà;	4390

42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;	4663
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
54.	Chuyển phát	5320
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Cơ sở lưu trú khác	5590
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
61.	Xuất bản phần mềm	5820
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);	6619
63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
64.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
65.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng, thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép các công trình ; Thăm tra, thăm định hồ sơ thiết kế; Tư vấn đấu thầu ;Dịch vụ lập, thăm tra, thăm định dự toán, tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, cấp điện; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công trình dân dụng, công nghiệp cấp thoát nước, điện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, cầu và đường bộ; Giám sát thi công lắp đặt thiết bị cấp thoát nước, lắp đặt công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình dân dụng; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điều hòa không khí công trình dân dụng công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; - Khảo sát xây dựng, khoan phụt xử lý nền móng công trình xây dựng; Khảo sát địa hình công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; - Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế các công trình cấp thoát nước; Thiết kế cơ điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế các công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kiến trúc công trình;	7110
67.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
68.	Quảng cáo	7310
69.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án Tư vấn thăm tra quyết toán các công trình: thủy lợi, cấp thoát nước, giao thông (cầu, đường bộ), hạ tầng kỹ thuật, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Tư vấn lập dự án đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi tổng dự toán các công trình, thiết kế quy hoạch; Kiểm định và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình xây dựng	7410
71.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
73.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
74.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

75.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
85.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
86.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
87.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
88.	Dịch vụ đóng gói	8292
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
90.	Giáo dục nhà trẻ	8511
91.	Giáo dục mẫu giáo	8512
92.	Giáo dục tiểu học	8521
93.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
94.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
95.	Đào tạo sơ cấp	8531
96.	Đào tạo trung cấp	8532
97.	Đào tạo cao đẳng	8533
98.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
99.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
100.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
101.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
102.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
103.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
104.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
105.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
106.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
107.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
108.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ LOAN	Số 04 Ngách 211/26 Phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	012945290	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
2	NGHIÊM MINH THANH	Số 04 Ngách 211/26 Phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	012945242	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		

3	ĐẶNG XUÂN TÙNG	Tổ 39, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	012822649
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG XUÂN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012822649

Ngày cấp: 27/04/2006

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 39, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ chung cư số 2312, Tòa Park 9, KĐT Vinhomes Time City Park Hill, Số 25 đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội